

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 160/2009/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2009

THÔNG TƯ

Hướng dẫn miễn thuế thu nhập cá nhân năm 2009 theo Nghị quyết số 32/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

Căn cứ Điều 4 của Nghị quyết số 32/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội điều chỉnh mục tiêu tổng quát, một số chỉ tiêu kinh tế, ngân sách Nhà nước, phát hành bổ sung trái phiếu Chính phủ năm 2009 và miễn thuế thu nhập cá nhân năm 2009;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nêu tại công văn số 5048/VPCP-KTTH ngày 27/7/2009 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 32/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội về thuế thu nhập cá nhân;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân theo Nghị quyết số 32/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội như sau:

Điều 1. Đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân và thời gian miễn thuế thu nhập cá nhân:

1. Đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009 bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ đầu tư vốn; từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán); từ bản quyền; từ nhượng quyền thương mại.

Từ ngày 01/01/2010 cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ đầu tư vốn; từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán); từ bản quyền; từ nhượng quyền thương mại nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

2. Đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 30/6/2009 bao gồm cá nhân cư trú có thu nhập từ kinh doanh; từ tiền lương, tiền công; từ nhận thừa kế; từ nhận quà tặng.

Từ ngày 01/7/2009 cá nhân cư trú có thu nhập từ kinh doanh; từ tiền lương, tiền công; từ nhận thừa kế; từ nhận quà tặng nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

Điều 2. Thu nhập làm căn cứ xác định số thuế thu nhập cá nhân được miễn:

Thu nhập làm căn cứ xác định số thuế thu nhập cá nhân được miễn cho các đối tượng theo hướng dẫn tại Điều 1 của Thông tư này là thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân được miễn 6 tháng đầu năm 2009 và thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân có nguồn gốc phát sinh trong thời gian được miễn thuế. Cụ thể đối với từng loại thu nhập như sau:

1. Đối với thu nhập từ kinh doanh:

1.1. Đối với cá nhân kinh doanh thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ, hạch toán được doanh thu, chi phí, nộp thuế theo kê khai: thu nhập làm căn cứ xác định số thuế thu nhập cá nhân được miễn là thu nhập chịu thuế tương ứng với doanh thu, chi phí phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2009.

Trường hợp cá nhân kinh doanh không xác định được chính xác thu nhập chịu thuế phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2009 thì thu nhập chịu thuế làm căn cứ xác định số thuế thu nhập cá nhân được miễn được xác định như sau:

- Đối với cá nhân kinh doanh đủ cả 12 tháng của năm 2009: bằng 50% thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của cả năm 2009.

- Đối với cá nhân kinh doanh không đủ 12 tháng của năm 2009:

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu thuế} \\ \text{làm căn cứ xác định số} \\ \text{thuế thu nhập cá nhân} \\ \text{được miễn} \end{array} = \frac{\text{Doanh thu kinh doanh thực tế} \\ \text{của 6 tháng đầu năm 2009}}{\text{Doanh thu kinh doanh} \\ \text{cả năm 2009}} \times \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế cả} \\ \text{năm 2009} \end{array}$$

1.2. Đối với cá nhân kinh doanh chỉ hạch toán được doanh thu kinh doanh, không hạch toán được chi phí, nộp thuế theo kê khai: thu nhập làm căn cứ xác định số thuế thu nhập cá nhân được miễn là mức thu nhập ấn định căn cứ doanh thu phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2009 và tỷ lệ thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân ấn định.

1.3. Đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán ổn định thì số thuế được miễn là số thuế khoán phải nộp của 6 tháng đầu năm 2009 đã được cơ quan thuế thông báo.

Doanh thu, chi phí làm căn cứ xác định thu nhập chịu thuế của các nhóm cá nhân kinh doanh nêu tại điểm 1.1, 1.2 khoản 1 Điều này là doanh thu và chi phí thực tế phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2009. Cách thức xác định doanh thu, chi phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính.

2. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

Thu nhập từ tiền lương, tiền công làm căn cứ xác định số thuế thu nhập cá nhân được miễn là thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công mà đơn vị sử dụng lao động phải thanh toán cho cá nhân trong 6 tháng đầu năm 2009 không phân biệt thời điểm chi trả; cụ thể như sau:

2.1. Trường hợp đơn vị chi trả thu nhập đã chi trả đủ thu nhập từ tiền lương, tiền công từ tháng 1 đến hết tháng 6 năm 2009 (6 tháng đầu năm 2009) cho người lao động (theo hợp đồng hoặc quyết định lương) trong khoảng thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư này thì thu nhập làm căn cứ xác định số thuế được miễn là thu nhập thực tế đã chi trả.

2.2. Trường hợp tiền lương, tiền công của 6 tháng đầu năm 2009 theo hợp đồng lao động, cơ quan chi trả đã hạch toán chi hoặc ra quyết định lương nhưng thực tế chi trả cho người lao động ngoài khoảng thời gian miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư này thì vẫn được xác định là thu nhập miễn thuế. Thời hạn chi trả tiền lương, tiền công của 6 tháng đầu năm được xác định là thu nhập miễn thuế chậm nhất không quá ngày 31/12/2009.

2.3. Đối với các khoản tiền thưởng cho cả năm 2009 (như tiền thưởng năm, tiền thưởng tháng lương thứ 13, ...) thì thu nhập làm căn cứ xác định số thuế được miễn là 50% số tiền thưởng này. Thời hạn chi trả các khoản tiền thưởng cho cả năm 2009 được xác định là thu nhập miễn thuế chậm nhất không quá ngày 31/3/2010.

Ví dụ: năm 2009, Ông A được hưởng 01 khoản tiền thưởng năm là 10 triệu đồng; vậy ông A sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với phần thu nhập 5 triệu đồng (bằng 50% mức thưởng cả năm).

2.4. Đối với các khoản tiền thưởng quý: thu nhập được miễn thuế là số tiền thưởng của quý I và quý II năm 2009 theo quyết định của thủ trưởng cơ quan chi trả thu nhập. Thời hạn chi trả tiền thưởng quý I, quý II năm 2009 được xác định là thu nhập miễn thuế chậm nhất không quá ngày 31/12/2009.

Ví dụ: tháng 8/2009, Ông B được đơn vị chi trả quyết định thưởng về thành tích công tác của Quý II/2009 thì Ông B sẽ được miễn toàn bộ số thuế thu nhập cá nhân tương ứng với phần thu nhập từ khoản tiền thưởng quý này.

2.5. Đối với các khoản thu nhập khác như tiền nghỉ lễ, tiền nghỉ mát, tiền trang phục và các lợi ích khác... thì thu nhập được miễn thuế là phần thu nhập thực tế chi trả trong thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư này.

2.6. Đối với các khoản tiền lương, tiền công của năm 2008 được chi trả trong khoảng thời gian miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư này thì được miễn thuế.

3. Đối với thu nhập từ đầu tư vốn:

Thu nhập làm căn cứ xác định số thuế thu nhập cá nhân được miễn là thu nhập nhận được từ hoạt động đầu tư vốn của năm 2009. Cụ thể như sau:

- Đối với thu nhập từ lợi tức, cổ tức nhận được từ việc góp vốn cổ phần: là phần cổ tức, lợi tức được chia của năm 2009 theo quy định của pháp luật.

- Đối với thu nhập từ lãi tiền cho vay: là số tiền lãi thực nhận trong năm 2009 phù hợp với tỷ lệ lãi theo hợp đồng vay.

Trường hợp, cá nhân nhận trước thu nhập cho nhiều năm thì phần thu nhập tương ứng của năm 2009 được miễn thuế thu nhập cá nhân.

- Đối với thu nhập nhận được từ phần tăng thêm của giá trị vốn góp khi giải thể doanh nghiệp, chuyển đổi mô hình hoạt động, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp hoặc rút vốn là phần tăng thêm của giá trị vốn góp nhận được so với vốn gốc. Thời điểm xác định thu nhập được miễn thuế là thời điểm tổ chức chi trả hoặc cá nhân hoàn tất các thủ tục pháp lý để xác định giá trị của phần vốn góp nhận về phù hợp với thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 1 của Thông tư này.

4. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán): thu nhập làm căn cứ xác định số thuế được miễn là số tiền cá nhân nhận được từ các giao dịch chuyển nhượng vốn hoàn thành theo hướng dẫn tại khoản 2, Mục II, Phần B của Thông tư số 84/2008/BTC-TCT ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính phù hợp với thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 1 của Thông tư này.

5. Đối với thu nhập từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại: thu nhập làm căn cứ xác định số thuế được miễn là số tiền thanh toán theo hợp đồng phù hợp với thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 1 của Thông tư này.

Trường hợp cá nhân nhận trước thu nhập của nhiều năm thì chỉ phần thu nhập tương ứng của năm 2009 được miễn thuế thu nhập cá nhân.

6. Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, từ nhận quà tặng: thời điểm xác định thu nhập được miễn thuế là thời điểm cá nhân nhận thừa kế, nhận quà tặng nộp hồ sơ hợp lệ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phù hợp với thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư này.

2. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

Thu nhập từ tiền lương, tiền công làm căn cứ xác định số thuế thu nhập cá nhân được miễn là thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công mà đơn vị sử dụng lao động phải thanh toán cho cá nhân trong 6 tháng đầu năm 2009 không phân biệt thời điểm chi trả; cụ thể như sau:

2.1. Trường hợp đơn vị chi trả thu nhập đã chi trả đủ thu nhập từ tiền lương, tiền công từ tháng 1 đến hết tháng 6 năm 2009 (6 tháng đầu năm 2009) cho người lao động (theo hợp đồng hoặc quyết định lương) trong khoảng thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư này thì thu nhập làm căn cứ xác định số thuế được miễn là thu nhập thực tế đã chi trả.

2.2. Trường hợp tiền lương, tiền công của 6 tháng đầu năm 2009 theo hợp đồng lao động, cơ quan chi trả đã hạch toán chi hoặc ra quyết định lương nhưng thực tế chi trả cho người lao động ngoài khoảng thời gian miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư này thì vẫn được xác định là thu nhập miễn thuế. Thời hạn chi trả tiền lương, tiền công của 6 tháng đầu năm được xác định là thu nhập miễn thuế chậm nhất không quá ngày 31/12/2009.

2.3. Đối với các khoản tiền thưởng cho cả năm 2009 (như tiền thưởng năm, tiền thưởng tháng lương thứ 13, ...) thì thu nhập làm căn cứ xác định số thuế được miễn là 50% số tiền thưởng này. Thời hạn chi trả các khoản tiền thưởng cho cả năm 2009 được xác định là thu nhập miễn thuế chậm nhất không quá ngày 31/3/2010.

Ví dụ: năm 2009, Ông A được hưởng 01 khoản tiền thưởng năm là 10 triệu đồng; vậy ông A sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với phần thu nhập 5 triệu đồng (bằng 50% mức thưởng cả năm).

2.4. Đối với các khoản tiền thưởng quý: thu nhập được miễn thuế là số tiền thưởng của quý I và quý II năm 2009 theo quyết định của thủ trưởng cơ quan chi trả thu nhập. Thời hạn chi trả tiền thưởng quý I, quý II năm 2009 được xác định là thu nhập miễn thuế chậm nhất không quá ngày 31/12/2009.

Ví dụ: tháng 8/2009, Ông B được đơn vị chi trả quyết định thưởng về thành tích công tác của Quý II/2009 thì Ông B sẽ được miễn toàn bộ số thuế thu nhập cá nhân tương ứng với phần thu nhập từ khoản tiền thưởng quý này.

2.5. Đối với các khoản thu nhập khác như tiền nghỉ lễ, tiền nghỉ mát, tiền trang phục và các lợi ích khác... thì thu nhập được miễn thuế là phần thu nhập thực tế chi trả trong thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư này.

2.6. Đối với các khoản tiền lương, tiền công của năm 2008 được chi trả trong khoảng thời gian miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư này thì được miễn thuế.

3. Đối với thu nhập từ đầu tư vốn:

Thu nhập làm căn cứ xác định số thuế thu nhập cá nhân được miễn là thu nhập nhận được từ hoạt động đầu tư vốn của năm 2009. Cụ thể như sau:

- Đối với thu nhập từ lợi tức, cổ tức nhận được từ việc góp vốn cổ phần: là phần cổ tức, lợi tức được chia của năm 2009 theo quy định của pháp luật.

- Đối với thu nhập từ lãi tiền cho vay: là số tiền lãi thực nhận trong năm 2009 phù hợp với tỷ lệ lãi theo hợp đồng vay.

Trường hợp, cá nhân nhận trước thu nhập cho nhiều năm thì phần thu nhập tương ứng của năm 2009 được miễn thuế thu nhập cá nhân.

- Đối với thu nhập nhận được từ phần tăng thêm của giá trị vốn góp khi giải thể doanh nghiệp, chuyển đổi mô hình hoạt động, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp hoặc rút vốn là phần tăng thêm của giá trị vốn góp nhận được so với vốn gốc. Thời điểm xác định thu nhập được miễn thuế là thời điểm tổ chức chi trả hoặc cá nhân hoàn tất các thủ tục pháp lý để xác định giá trị của phần vốn góp nhận về phù hợp với thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 1 của Thông tư này.

4. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán): thu nhập làm căn cứ xác định số thuế được miễn là số tiền cá nhân nhận được từ các giao dịch chuyển nhượng vốn hoàn thành theo hướng dẫn tại khoản 2, Mục II, Phần B của Thông tư số 84/2008/BTC-TCT ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính phù hợp với thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 1 của Thông tư này.

5. Đối với thu nhập từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại: thu nhập làm căn cứ xác định số thuế được miễn là số tiền thanh toán theo hợp đồng phù hợp với thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 1 của Thông tư này.

Trường hợp cá nhân nhận trước thu nhập của nhiều năm thì chỉ phần thu nhập tương ứng của năm 2009 được miễn thuế thu nhập cá nhân.

6. Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, từ nhận quà tặng: thời điểm xác định thu nhập được miễn thuế là thời điểm cá nhân nhận thừa kế, nhận quà tặng nộp hồ sơ hợp lệ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phù hợp với thời gian được miễn thuế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư này.

7. Các khoản thu nhập thuộc diện được miễn thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 1 của Thông tư này nếu được chi trả sau năm 2009 thì thời hạn chi trả thu nhập được áp dụng miễn thuế chậm nhất không quá ngày 30/6/2010. Nếu chi trả sau thời hạn nêu trên sẽ không được miễn thuế thu nhập cá nhân.

Điều 3. Khai thuế, quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2009:

1. Đối với đơn vị chi trả thu nhập:

1.1. Khai thuế tháng: đơn vị chi trả thu nhập không phải kê khai các khoản thu nhập thuộc diện được miễn thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 1 của Thông tư này nếu chi trả các khoản này sau ngày 01/7/2009. Trên tờ khai, chỉ tiêu về thu nhập và số thuế khấu trừ hàng tháng chỉ phản ánh thu nhập cá nhân không được miễn thuế và số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ.

1.2. Khai quyết toán:

Đơn vị chi trả thu nhập không phải thực hiện kê khai quyết toán thuế đối với các khoản thu nhập được miễn thuế và số thuế được miễn của các đối tượng được miễn thuế theo hướng dẫn tại Điều 1 của Thông tư này, cụ thể:

- Nếu chi trả các khoản thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng vốn, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại; đơn vị chi trả không phải kê khai quyết toán thuế.

- Nếu chi trả thu nhập từ tiền lương, tiền công; đơn vị chi trả thu nhập không phải quyết toán đối với phần thu nhập được miễn thuế trong 6 tháng đầu năm, chỉ phải kê khai quyết toán thu nhập và số thuế đã khấu trừ phát sinh từ ngày 01/7/2009 đến ngày 31/12/2009.

Ví dụ: Công ty X trong năm 2009 đã chi trả tiền lương cho người lao động trong Công ty tổng cộng là 1 tỷ đồng; trong đó 400 triệu đồng là thu nhập thuộc diện được miễn thuế thu nhập cá nhân. Đối với năm 2009, Công ty chỉ phải thực hiện kê khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân tương ứng với phần thu nhập thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân là 600 triệu đồng.

Việc kê khai các chỉ tiêu số liệu tổng hợp trong tờ khai quyết toán thuế được thực hiện theo nguyên tắc sau: chỉ kê khai theo số tổng hợp tương ứng với khoản thu nhập thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân của năm 2009.

2. Đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh:

2.1. Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh phải thực hiện quyết toán thuế trong các trường hợp sau:

- Có số thuế phải nộp trong 6 tháng cuối năm 2009 lớn hơn số thuế đã khấu trừ;
- Có yêu cầu được hoàn thuế hoặc bù trừ số thuế nộp thừa vào kỳ sau.

2.2. Các khoản giảm trừ được tính khi quyết toán thuế như sau:

- Đối với giảm trừ các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc: các khoản bảo hiểm đã đóng một lần cho cả năm thì được giảm trừ bằng 50% tổng số tiền đã đóng; đối với khoản bảo hiểm đóng theo tháng thì giảm trừ theo số thực đóng của 6 tháng cuối năm 2009.

- Đối với giảm trừ gia cảnh: số tiền giảm trừ được tính theo thực tế giảm trừ gia cảnh của 6 tháng cuối năm 2009; cụ thể như sau:

+ Về giảm trừ cho bản thân người có thu nhập: Mức được giảm trừ là 24 triệu đồng (6 tháng x 4 triệu đồng/tháng).

+ Về giảm trừ cho người phụ thuộc: Mức giảm trừ được tính theo số người phụ thuộc, số tháng được tính giảm trừ và mức tiền được trừ cho một người một tháng (1,6 triệu đồng/người/tháng).

- Đối với giảm trừ đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học: Mức giảm trừ tính theo số chi thực tế trong 6 tháng cuối năm 2009.

2.3. Cá nhân quyết toán thuế sử dụng các mẫu tờ khai đã ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính.

Khi thực hiện khai quyết toán thuế một số chỉ tiêu được phản ánh như sau:

- Kỳ tính thuế: ghi rõ là từ ngày 01/7/2009 đến 31/12/2009;

- Các chỉ tiêu liên quan đến việc xác định doanh thu (đối với cá nhân kinh doanh), thu nhập, các khoản giảm trừ,... phản ánh các số tổng hợp tương ứng với kỳ tính thuế từ ngày 01/7/2009 đến 31/12/2009.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1/ Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. Trường hợp trước ngày ban hành Thông tư này, đơn vị chi trả thu nhập và cá nhân nộp thuế đã xử lý khác với hướng dẫn tại Thông tư này thì được điều chỉnh lại:

- Đối với tổ chức chi trả thu nhập đã khấu trừ thuế đối với các khoản thu nhập được miễn thuế có trách nhiệm trả lại tiền thuế đã khấu trừ cho người có thu nhập.

- Đối với cá nhân đã kê khai nộp số thuế được miễn vào ngân sách được hoàn lại hoặc bù trừ vào kỳ nộp thuế sau.

2. Đơn vị chi trả thu nhập khi chi trả các khoản thu nhập được miễn thuế sau thời hạn 30/6/2009 (đối với các khoản thu nhập được miễn thuế 6 tháng đầu năm 2009) hoặc sau ngày 31/12/2009 (đối với các khoản thu nhập được miễn thuế cả năm 2009) chịu trách nhiệm về tính chính xác khi xác định thu nhập được miễn thuế, lưu giữ và xuất trình các căn cứ xác định thu nhập được miễn thuế khi có yêu cầu kiểm tra của cơ quan thuế.

Trường hợp xác định không đúng, kê khai không đúng sẽ bị xử lý về hành vi gian lận thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

3. Cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân không thuộc đối tượng được miễn thuế nêu tại Điều 1 của Thông tư này thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Luật thuế thu nhập cá nhân.

4. Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc đề nghị có ý kiến về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời. *ma*

Nơi nhận: *Ty*

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước, VPQH;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở TC, Cục thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT, TNCN). *4.10*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn